

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1. Kiến thức:

Kiểm tra việc nắm vững kiến thức về kiến thức Tiếng Việt đã được học trong chương trình Ngữ văn 7.

2. Kỹ năng.

Vận dụng linh hoạt kiến thức và kỹ năng phân môn Tiếng Việt để giải quyết các bài tập Tiếng Việt và viết đoạn văn hoàn chỉnh.

3. Thái độ.

Có thái độ nghiêm túc khi làm bài kiểm tra.

II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA TIẾNG VIỆT

NỘI DUNG	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tổng điểm
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	T N	TL	
Từ ghép - Từ láy	2 câu 0,5đ								2 câu 0,5đ
Đại từ	1 câu 0,25đ								1 câu 0,25đ
Từ Hán việt	2 câu 0,5đ								2 câu 0,5đ
Quan hệ từ	2 câu 0,5đ			1 câu 2 đ					3 câu 2,5đ
Từ đồng nghĩa, trái nghĩa	1 câu 0,25đ			1 câu 1đ					2 câu 1,25đ
Viết đoạn						1câu 4đ			1 câu 4đ
Liên hệ thực tiễn								1câu 1đ	1 câu 1đ
TỔNG ĐIỂM	8câu		2 câu		1 câu		1 câu		12câu
	2đ		3đ		4đ		1đ		10đ
Tỉ lệ %	20%		30%		50%				100%

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (2 ĐIỂM)

Ghi ra giấy chữ cái và nội dung của đáp án đúng.

Câu 1: Từ nào là từ ghép chính phụ trong các từ sau?

- A. Xe đạp
- B. Tươi tốt
- C. Quần áo
- D. Giang sơn

Câu 2: Từ nào là đại từ trong câu thơ sau:

“Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang
Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu”

- A. Đừng bỏ
- B. Ruộng hoang
- C. Bao nhiêu....bấy nhiêu
- D. Tấc đất, tấc vàng

Câu 3: Từ nào sau đây là từ Hán Việt?

- A. Đất nước
- B. Sơn hà
- C. Sách trời
- D. Nước Nam

Câu 4: Trong ví dụ sau, câu nào có sử dụng quan hệ từ?

- A. Bước tới đèo Ngang bóng xế tà
- B. Thân em vừa trắng lại vừa tròn
- C. Sông núi nước Nam vua Nam ở
- D. Đã bấy lâu nay bác tới nhà

Câu 5: Trong các từ sau, từ nào không phải là từ Hán việt?

- A. Nước Nam
- B. Mực đồng
- C. Ngư ông
- D. Xã tắc

Câu 6: Từ nào sau đây là từ láy?

- A. Xanh xanh
- B. Hàm Dương
- C. Thân em
- D. Lòng son

Câu 7: Trong các câu sau câu nào không sử dụng quan hệ từ?

- A. Sáng nay mẹ tôi làm việc ở nhà
- B. Tôi giữ bức ảnh Hồng Nhung tặng
- C. Xe buýt là phương tiện giao thông thuận tiện cho mọi nhà

D. Bỏ tặng mẹ nhiều quà trong ngày 8-3

Câu 8: Từ nào sau đây trái nghĩa với từ “ mênh mông”?

- A. Chật hẹp
- B. Bát ngát
- C. Mông mênh
- D. Rộng lớn

II. PHẦN TỰ LUẬN: (8 ĐIỂM)

Câu 1: (2điểm) Các câu dưới đây mắc lỗi quan hệ từ nào? Hãy sửa lại cho đúng.

a. Qua bài thơ “Bạn đến chơi nhà ” cho ta hiểu tình bạn bình dị và sâu sắc của nhà thơ .

b. Trời m□a to và tôi cũng đến tr□ờng .

Câu 2: (1 điểm): Tìm một từ đồng nghĩa với các từ sau:

- a. Ăn
- b. Hi sinh

Câu 3: (4 điểm)

Viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu nêu cảm nhận của em về hai câu cuối trong bài thơ *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan. Trong đoạn văn có sử dụng nhất một từ láy. Gạch dưới từ láy đó.

Câu 4: (1điểm) Để tránh hiểu lầm do hiện tượng đồng âm gây ra, cần phải chú ý điều gì khi giao tiếp?

I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm):

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
A	C	B	B	A	A	B	A

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

CÂU	Nội dung	Điểm
Câu 1	a. Lỗi: Thừa quan hệ từ Chữa : bỏ từ “qua” => Sửa lại: bỏ từ “qua”	1.0 đ
	b. Lỗi: Dùng quan hệ từ sai => Sửa lại: Thay bằng từ “mà”	1.0 đ
Câu 2	Học sinh tìm đúng một từ đồng nghĩa với hai từ đã cho: - Ăn: Chén (xoi) - Hi sinh: Chết (mất, quy tiên, ra đi)	0.5đ 0.5đ
Câu 3	- Yêu cầu về hình thức: + Viết đúng đoạn văn biểu cảm + Đủ số câu : từ 5 đến 7 câu + Các câu có liên kết, diễn đạt rõ ràng, trôi chảy. + Không mắc các lỗi về dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả.	1.0 đ
	- Yêu cầu về nội dung: * Hai câu cuối thể hiện rõ tâm trạng cô đơn, lẻ loi của nhân vật trữ tình - Phép đối được sử dụng (Một mảnh tình riêng – Trời, non, nước), các từ chỉ sự cô đơn, nhỏ bé được dùng liên tiếp : một, mảnh, riêng để làm nổi bật sự lẻ loi, đơn côi của nhà thơ trước không gian bao la rộng lớn của đất trời - Cụm từ “ta với ta” được đặt cuối câu thơ thể hiện sự cô đơn đến tuyệt đối, chỉ một mình đối diện với chính lòng mình.	2.0 đ 1.0đ
Câu 4	- Yêu cầu về kiến thức Tiếng Việt: + Có sử dụng và xác định đúng từ láy	
	Để tránh hiểu lầm do hiện tượng đồng âm gây ra, ta nên chú ý đầy đủ đến ngữ cảnh hoặc chú ý việc dùng từ với nghĩa nước đôi (chơi chữ).	1.0đ

BAN GIÁM HIỆU

TỔ TRƯỞNG

NGƯỜI RA ĐỀ

